TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN I P
TỈNH G L

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/DS-ST
Ngày: 03/12/2021
"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I P, TỈNH G L

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Minh Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nay Phen.

2. Ông Lữ Phúc Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quản Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện I P, tỉnh G L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I P, tỉnh G L *tham gia phiên tòa:* Ông Ksor Yanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện I P, tỉnh G Lxét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021, về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-DS, ngày 01/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng chính sách xã hội

Trụ sở tại: số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Ánh T – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện I P;

Địa chỉ: Tỉnh lộ 662, huyện I P, tỉnh G L. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đào Văn T, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Thôn B H, xã C R, huyện I P, tỉnh G L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội - ông Trần Ánh T trình bày:

Ngày 28/3/2015 Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện I P đã tiến hành giải ngân cho ông Đào Văn T với chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo khế ước tiền vay số 6600000703791562 ngày 28/3/2015, với số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Lãi suất trong hạn 0,8%/tháng, lãi suất quá hạn 130%/năm, thời hạn cho vay 36 tháng, thời hạn trả nợ ngày 28/3/2018, thời hạn trả nợ đã được gia hạn đến ngày 28/3/2019. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Căn cứ vào khế ước đã ký, ngày 28/3/2015 ông T đã nhận vay của ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng. Từ thời điểm vay đến nay vào ngày ngày 30/3/2015 ông T trả được 10.000.000 đồng nợ gốc và 2.608.001 đồng nợ lãi quá hạn. Ông T còn nợ lại 20.000.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh. Từ ngày 29/3/2019 số tiền còn nợ lại đã chuyển quá hạn nhưng ông T vẫn không trả hết nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội mặc dù đã được cán bộ Ngân hàng đôn đốc trả nợ nhiều lần. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả số tiền dư nợ quá hạn tính đến ngày 01/4/2021 là: 24.618.882 đồng *(Hai mươi bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn tám trăm tám mươi hai đồng)*, trong đó: Nợ gốc: 20.000.000 đồng; Nợ lãi: 4.618.882 đồng và tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đào Văn T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử ngày 03/12/2021 là: 31.778.848 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.685.260 đồng và nợ lãi quá hạn là 4.701.589 đồng) và lãi phát sinh theo khế ước đã ký kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Đào Văn T đã không đến Tòa án để tham gia Phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như không đến tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông Đào Văn T đã có văn bản trình bày ý kiến trong hồ sơ vụ án cụ thể:

- Tại đơn xin trình bày hoàn cảnh ngày 23/11/2021 ông Đào Văn T trình bày: Ông thừa nhận còn đang vay nợ của ngân hàng Chính sách xã hội. Do gia đình khó khăn nên xin xem xét tạo điều kiện cho ông có thời gian để trả dần.

Tại phiên tòa, đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện I P khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại

phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Vào các Điều 116, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đào Văn T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử ngày 03/12/2021 là 31.778.848 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.685.260 đồng và nợ lãi quá hạn là 4.701.589 đồng) và lãi phát sinh theo khế ước đã ký kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Về án phí: Buộc ông Đào Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Đào Văn T. Tuy nhiên, ông Đào Văn T đã không có mặt tại Toà án để tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa. Việc ông Đào Văn T không đến Toà án để tham gia tố tụng, không đến Toà án để tham gia phiên tòa là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đào Văn T.

[2] Về nội dung: Ngày 28/3/2015, Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện I P và ông Đào văn T có ký kết khế ước số 6600000703791562 ngày 28/3/2015, cụ thể: Số tiền vay là 30.000.000 đồng; Lãi suất là 10%/năm (lãi suất biến đổi), lãi suất quá hạn 130%/năm. Thời hạn vay là 36 tháng. Đối tượng vay là đầu tư suất kinh doanh, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống. Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Đến ngày 29/3/2019 khoản vay chuyển quá hạn do ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho ngân hàng. Tại đơn xin trình bày hoàn cảnh ngày 23/11/2021 ông T cũng đã thừa nhận còn đang vay nợ của ngân hàng Chính sách xã hội. Do gia đình khó khăn nên xin xem xét tạo điều kiện cho ông có thời gian để trả dần.

Xét việc ký kết Sổ vay vốn và khế ước số 6600000703791562 ngày 28/3/2015 giữa Ngân hàng với ông T là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và các bên tham gia giao dịch tự nguyện nên Sổ vay vốn và khế ước nêu trên là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện khế ước số 6600000703791562 ngày 28/3/2015 thì ông T đã vi phạm về điều khoản đã ký kết. Cụ thể là đến kỳ hạn trả nợ

cuối ngày 28/3/2019, ông T đã không trả hết nợ cho ngân hàng và từ đó đến trước ngày Tòa án mở phiên tòa ngày 03/12/2021 thì ông T chỉ mới trả được cho ngân hàng một phần số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 2.608.001 đồng. Tính đến ngày 03/12/2021 ông T còn nợ của Ngân hàng chính sách xa hội số tiền tổng cộng là 31.778.848 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.685.260 đồng và nợ lãi quá hạn là 4.701.589 đồng. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng tính đến ngày xét xử ngày 03/12/2021 là 31.778.848 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Đào Văn T phải chịu 1.588.942 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng: Các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội.

Buộc ông Đào Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện I P số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 7.685.260 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 4.701.589 đồng. Tổng cộng là 31.778.848 đồng (*Ba mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng*).

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với

quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Đào Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.588.942đồng *(Một triệu năm trăm tám mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng*). Ngân hàng Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G Lxét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G L;
- VKSND huyện I P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện I P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Viết Minh Quân